TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 73/2023/HC-PT
Ngày 17 tháng 02 năm 2023
V/v. Khiếu kiện quyết định giải quyết khiếu nại.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phùng Hải Hiệp;

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Tuyển;

Bà Đặng Thị Thơm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Minh Tùng, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Lê Đỗ Quyên, Kiểm sát viên cao cấp.

Trong ngày 17 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 529/2022/TLPT-HC ngày 14 tháng 11 năm 2022 về việc "khiếu kiện quyết định giải quyết khiếu nại".

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 12/2022/HC-ST ngày 12/9/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh HT bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 902/2023/QĐ-PT ngày 02 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

**** Người khởi kiện***: Ông Đậu Văn N, sinh năm 1969; địa chỉ: xã TS, huyện TH, tỉnh HT. Có mặt tại phiên tòa.

**** Người bị kiện***: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện TH, tỉnh HT; do ông Nguyễn Văn S – Phó Chủ tịch UBND huyện TH, tỉnh HT làm đại diện theo ủy quyền. Có mặt tại phiên tòa.

* ***Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan***: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã TS, huyện TH, tỉnh HT. do ông Trần Đình K – Phó Chủ tịch UBND xã TS, huyện TH, tỉnh HT làm đại diện theo ủy quyền. Vắng mặt và có văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng, người khởi kiện là ông Đậu Văn N trình bày*: Năm 2015 ông là một trong 11 thành viên của Hợp tác xã nuôi trồng thủy sản ĐĐ thực hiện việc nuôi tôm. Ngày 08/4/2016, ông thực hiện việc

thả tôm giống (có hóa đơn) để nuôi. Tuy nhiên, do xảy ra sự cố môi trường biển nên con tôm giống của ông thả bị chết. Ban đầu xã TS đã thống nhất thừa nhận 11 hộ nuôi tôm của HTX NTTS ĐĐ đều bị ảnh hưởng sự số môi trường biển và xác nhận tỷ lệ nuôi tôm trong đó có tôm của ông bị chết trên 80% nhưng sau đó Chủ tịch UBND xã là ông Trần Công T khống chế tiêu chuẩn chỉ xác nhận cho 6/11 xã viên được bồi thường nhưng không có tên ông. Do đó, ông Đậu Văn N khiếu nại và ngày 02/10/2020 Chủ tịch UBND xã TS ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 90/QĐ-UBND ngày 02/10/2020 kết luận ông Đậu Văn N không đủ điều kiện bồi thường sự cố môi trường biển. Không đồng ý với Quyết định này, ông Đậu Văn N tiếp tục khiếu nại và được Chủ tịch UBND huyện TH ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại (lần 2) số 481/QĐ-UBND ngày 22/01/2021 với nội dung công nhận và giữ nguyên Quyết định giải quyết khiếu nại số 90/QĐ-UBND ngày 02/10/2020 của Chủ tịch UBND xã TS.

Ông N cho rằng việc Chủ tịch UBND huyện TH ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại như trên đã làm ảnh hưởng đến quyền lợi của gia đình ông. Vì vậy, ông khởi kiện yêu cầu Tòa án huỷ Quyết định giải quyết khiếu nại số 481/QĐ-UBND ngày 22/01/2021 của Chủ tịch UBND huyện TH.

** Đại diện của người bị kiện là Chủ tịch UBND huyện TH trình bày*: Sau khi xem xét nội dung đơn khiếu nại của ông Đậu Văn N đối với Quyết định số 90/QĐ-UBND ngày 02/10/2020 của UBND xã TS, UBND huyện TH đã xác minh, làm việc với các tổ chức, cá nhân có liên quan như: Tổ xác nhận sự cố môi trường biển thôn SH, Hội đồng đánh giá thiệt hại sự cố môi trường biển xã TS, ông Đậu Văn N và một số cá nhân có liên quan. Ngày 22/01/2021 Chủ tịch UBND huyện TH đã ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại (lần 2) số 481/QĐ-UBND với nội dung giữ nguyên Quyết định giải quyết khiếu nại số 90/QĐ-UBND ngày 02/10/2020 của Chủ tịch UBND xã TS với lý do: Qua kết quả làm việc với Tổ xác nhận thiệt hại sự cố môi trường biển thôn SH, UBND xã TS và Hội đồng đánh giá thiệt hại sự cố môi trường biển xã TS cho thấy quá trình kiểm tra, rà soát, công khai các đối tượng, số lượng, áp giá được thực hiện khách quan, đúng quy trình và hướng dẫn của Chính phủ, UBND tỉnh, UBND huyện cũng như hướng dẫn tại Công văn số 6851/BNN-TCTS ngày 12/8/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Kế hoạch số 262/KH-UBND ngày 18/8/2016 của UBND tỉnh; Công văn số 7433/BNN-TCTS ngày 01/9/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về hướng dẫn bổ sung kê khai, xác nhận thiệt hại do sự cố môi trường biển. Do đó, người bị kiện không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đậu Văn N và giữ nguyên Quyết định số 481/QĐ-UBND ngày 22/01/2021 của Chủ tịch UBND huyện TH, tỉnh HT.

** Đại diện người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Chủ tịch UBND xã TS trình bày:* Thống nhất với quan điểm của người bị kiện và đề nghị Toà án xem xét giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 12/2022/HC-ST ngày 12/9/2022, Tòa án nhân dân tỉnh HT đã căn cứ điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 194, Điều 3, Điều 32, khoản 1 Điều 348 Luật tố tụng hành chính năm 2015; Điều 7, Điều 8, Điều 9,

Điều 12, Điều 13, Điều 14, Điều 15, Điều 18, Điều 27, Điều 28, Điều 29, Điều 30, Điều 31, Điều 32 và Điều 33 Luật Khiếu nại năm 2011; Công văn số 6851/BNN-TCTS ngày 12/8/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Kế hoạch số 262/KH-UBND ngày 18/8/2016 của UBND tỉnh HT; Công văn số 7433/BNN-TCTS ngày 01/9/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Văn bản số 3165 ngày 14/4/2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc hướng dẫn bổ sung kê khai, xác nhận thiệt hại do sự cố môi trường biển, quyết định:

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đậu Văn N về việc huỷ Quyết định giải quyết khiếu nại số 481/QĐ-UBND ngày 22/01/2021của Chủ tịch UBND huyện TH.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 21/9/2022, người khởi kiện là ông Đậu Văn N có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bên đương sự không xuất trình thêm tài liệu, chứng cứ mới và không thống nhất được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Người khởi kiện là ông Đậu Văn N không rút đơn khởi kiện; giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và về cơ bản vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày tại Tòa án cấp sơ thẩm.

Người bị kiện là Chủ tịch UBND huyện TH, tỉnh HT giữ nguyên quan điểm đã trình bày tại Tòa án cấp sơ thẩm và đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên các quyết định của bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội trình bày quan điểm về việc giải quyết vụ án: Đơn kháng cáo của ông Đậu Văn N là hợp lệ. Quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy đinh của pháp luật tố tụng hành chính. Về nội dung, kháng cáo của ông Đậu Văn N là không có căn cứ chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính xử bác kháng cáo của ông Đậu Văn N và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án; căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Kháng cáo của người khởi kiện là ông Đậu Văn N trong thời hạn luật định và hợp lệ, được xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Chủ tịch UBND xã TS, huyện TH, tỉnh HT vắng mặt và có văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt Chủ tịch UBND xã TS, huyện TH, tỉnh HT theo quy định tại khoản 4 Điều 225 Luật Tố tụng hành

chính.

[2] Ngày 19/02/2021, ông Đậu Văn N khởi kiện vụ án hành chính yêu cầu Toà án hủy Quyết định số 481/QĐ-UBND ngày 22/01/2021 của Chủ tịch UBND huyện TH, tỉnh HT về việc giải quyết khiếu nại của ông Đậu Văn N công dân thôn VĐ, xã TS, huyện TH, tỉnh HT (lần hai). Xét đối tượng khởi kiện trong vụ án là quyết định hành chính do người có thẩm quyền trong cơ quan hành chính nhà nước ban hành về vấn đề cụ thể trong hoạt động quản lý hành chính có nội dung làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của người khởi kiện. Do đó, Tòa án nhân dân tỉnh HT thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền và trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại khoản 2 Điều 3, khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, khoản 1 Điều 115 và điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

[3] Xét kháng cáo của ông Đậu Văn N, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3.1] Về tính hợp pháp về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành quyết định hành chính:

Giải quyết khiếu nại của ông Đậu Văn N về kết quả bồi thường thiệt hại do sự cố môi trường biển, Chủ tịch UBND xã TS, huyện TH, tỉnh HT đã ban hành Quyết định số 90/QĐ-UBND ngày 02/10/2020 về việc giải quyết khiếu nại lần đầu với nội dung không công nhận nội dung khiếu nại của ông Đậu Văn N. Không đồng ý với kết quả giải quyết khiếu nại, Ông N tiếp tục gửi đơn khiếu nại đến Chủ tịch UBND huyện TH, tỉnh HT.

Sau khi nhận được đơn khiếu nại của ông N, UBND huyện TH, tỉnh HT đã ban hành Thông báo số 1993/TB-UBND ngày 11/11/2020 về việc thụ lý giải quyết khiếu nại lần hai, ban hành Quyết định số 9508/QĐ-UBND ngày 11/11/2020 về việc xác minh nội dung khiếu nại, đồng thời thực hiện các bước giải quyết khiếu nại như: Tiến hành xác minh, làm việc với các tổ chức, cá nhân có liên quan như Tổ xác nhận sự cố môi trường biển thôn SH, Hội đồng đánh giá thiệt hại sự cố môi trường biển xã TS, tổ chức đối thoại với Ông N và một số cá nhân có liên quan. Trên cơ sở kết quả xác minh, đối thoại, Chủ tịch UBND huyện TH, tỉnh HT ban hành Quyết định số 481/QĐ-UBND ngày 22/01/2021 về việc giải quyết khiếu nại (lần hai) của Ông N với nội dung công nhận và giữ nguyên Quyết định số 90/QĐ-UBND ngày 02/10/2020 của Chủ tịch UBND xã TS, huyện TH, tỉnh HT.

Như vậy, việc ban hành quyết định giải quyết khiếu nại (lần hai) của Chủ tịch UBND huyện TH, tỉnh HT là đúng thẩm quyền, đảm bảo về trình tự, thủ tục và hình thức văn bản theo quy định của Luật Khiếu nại năm 2011.

[3.2] Về tính hợp pháp và có căn cứ về nội dung của quyết định hành chính:

[3.2.1] Việc xác định đối tượng được bồi thường do ảnh hưởng sự cố môi trường biển và hướng dẫn kê khai, hướng dẫn xác nhận thiệt hại thực tế xảy ra được thực hiện theo Quyết định số 1880/QĐ-TTg ngày 29/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành định mức bồi thường thiệt hại cho các đối tượng tại các tỉnh bị thiệt hại do sự cố môi trường biển; Quyết định số 309/QĐ-TTg ngày 09/3/2017 của Thủ tướng Chính phủ về sửa đổi bổ sung Điều 1 và khoản 1 Điều 2 Quyết định số 1880/QĐ-TTg ngày 29/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ; Công

văn số 6851/BNN-TCTS ngày 12/8/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Kế hoạch số 262/KH-UBND ngày 18/8/2016 của UBND tỉnh HT; Công văn số 7433/BNN-TCTS ngày 01/9/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc hướng dẫn bổ sung kê khai, xác nhận thiệt hại do sự cố môi trường biển; Văn bản số 3165/BNN-TCTS ngày 14/4/2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc hướng dẫn kê khai bồi thường thiệt hại do sự cố môi trường biển.

Đối chiếu với những quy định tại các văn bản nêu trên, xét thấy: Ông Đậu Văn N là công dân thôn VĐ, có ao hồ nuôi trồng thủy sản trên địa phận thôn SH và là thành viên Hợp tác xã nuôi trồng thủy sản ĐĐ. Theo phân loại ban đầu, tại Biên bản họp ngày 25/8/2016 Tổ xác nhận thiệt hại sự cố môi trường biển thôn SH họp cộng đồng công khai các đối tượng của thôn SH bao gồm các nhóm đối tượng sau: Nhóm tàu thuyền; nhóm nuôi trồng thủy sản lồng bè; nhóm nuôi trồng thủy sản ao hồ; nhóm dịch vụ nghề cá; nhóm lao động làm thuê; nhóm khai thác thủy sản đơn giản. Ông N có tên trong danh sách tại Tổ liên gia số 10 thuộc nhóm đối tượng chủ cơ sở nuôi trồng thủy sản, tuy nhiên đây không phải là danh sách khẳng định Ông N thuộc đối tượng được bồi thường.

Ngày 08/9/2016, Tổ xác nhận thiệt hại sự cố môi trường biển thôn SH tổ chức họp cộng đồng để thông báo và thống nhất danh sách được kê khai bồi thường sự cố môi trường biển (gồm các nhóm đối tượng sau: Nuôi trồng thủy sản lồng bè có 68 đối tượng; Nuôi trồng thủy sản ao hồ có 07 đối tượng; Tàu thuyền có 142 đối tượng; Dịch vụ buôn bán hải sản có 82 đối tượng; khai thác thủy sản đơn giản 01 đối tượng; Người lao động làm thuê 03 đối tượng) đã xác định hộ ông Đậu Văn N không nằm trong danh sách được kê khai với lý do không thuộc đối tượng theo quy định và hướng dẫn, các ý kiến của nhân dân đều đồng tình 100%. Việc Ông N cho rằng ban đầu ông có tên trong danh sách là đối tượng bị ảnh hưởng sự cố môi trường biển nhưng sau đó bị khống chế chỉ tiêu nên ông không có tên trong danh sách được bồi thường nhưng không xuất trình được tài liệu, chứng cứ chứng minh nên không có cơ sở chấp nhận.

[3.2.2] Căn cứ Công Văn 6851/BNN-TCTS ngày 12/8/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về hướng dẫn kê khai xác định thiệt hại do sự cố môi trường biển, thì chủ cơ sở nuôi trồng thủy sản phải thực hiện việc kê khai. Tuy nhiên, Ông N không thực hiện việc kê khai cũng như không có đơn yêu cầu. Do đó, việc lấy ý kiến các thành viên Hợp tác xã ĐĐ để xác định đối tượng bị thiệt hại là phù hợp. Tại cuộc họp ngày 16/5/2017 của Ban giám đốc và các thành viên Hợp tác xã, danh sách 05 đối tượng mà Hợp hợp tác xã đề xuất kê khai bồi thường sự cố môi trường biển không có tên ông Đậu Văn N và Ông N đã ký tên đồng ý với kê khai do Hợp tác xã đề xuất. Ngoài ra, trong quá trình giải quyết vụ án những người làm chứng gồm ông Trần Công T (nguyên Chủ tịch UBND xã TS) và ông Nguyễn Hữu H (thành viên HTX ĐĐ) đều khẳng định tôm của ông Đậu Văn N chết chưa đến 75% nên ông không thuộc đối tượng được bồi thường. Trình bày của người làm chứng là phù hợp với chính lời khai Ông N tại các phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm rằng tôm của ông nuôi không chết hoàn toàn, không chết với số lượng

lớn để dẫn đến việc ông không thể tiếp tục nuôi trồng thủy sản vụ đó và đến cuối vụ ông vẫn có thu hoạch.

[3.2.3] Việc xác định thiệt hại do thủy sản nuôi bị chết là do cá nhân nuôi trồng thủy sản bị thiệt hại kê khai, thôn xóm họp cộng đồng xem xét, thống nhất trên cơ sở biểu mẫu kê khai và biên bản xác minh thủy sản nuôi bị chết được cơ quan có thẩm quyền xác nhận. Thôn/xóm trưởng xác nhận đối tượng, số lượng bị thiệt hại vào biểu mẫu kê khai. Việc kê khai còn được Hội đồng xác định thiệt hại cấp xã rà soát, kiểm tra và niêm yết công khai danh sách. Tuy nhiên, trường hợp ông Đậu Văn N không có biên bản xác minh thủy sản nuôi bị chết được cơ quan có thẩm quyền xác nhận và tại các đợt niêm yết công khai tại UBND xã TS, Hội đồng xác định thiệt hại cấp xã cũng không nhận được đơn khiếu nại hay yêu cầu bổ sung danh sách của ông N.

Danh sách các đối tượng thiệt hại đã được niêm yết sẽ do Hội đồng đánh giá thiệt hại do sự cố môi trường biển xã TS thông qua và đề nghị UBND huyện TH phê duyệt. Vì vậy trong danh sách đề nghị phê duyệt không có tên ông N. Khi UBND huyện TH ban hành các Quyết định số 2959/QĐ-UBND ngày 28/6/2017 và số 6103/QĐ-UBND ngày 19/10/2017 về việc phê duyệt điều chỉnh và bổ sung đối tượng, kinh phí bồi thường cho các tổ chức cá nhân bị thiệt hại do sự cố môi trường biển trên địa bàn huyện TH, trong đó có các hộ nuôi trong thủy sản của xã TS nhưng Ông N không có tên trong danh sách được phê duyệt. Quá trình niêm yết công khai thực hiện dân chủ ở xã cũng không nhận được ý kiến của Ông N hoặc ý kiến nhân dân đề xuất Ông N được bồi thường sự cố môi trường biển.

Với các căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy việc Chủ tịch UBND huyện TH xác định ông Đậu Văn N không thuộc trường hợp được bồi thường thiệt hại theo quy định để từ đó ban hành Quyết định số 481/QĐ-UBND ngày 22/01/2021 về việc giải quyết khiếu nại (lần 2), theo đó công nhận và giữ nguyên Quyết định số 90/QĐ-UBND ngày 02/10/2020 của Chủ tịch UBND xã TS về việc giải quyết khiếu nại của ông Đậu Văn N (lần 1) là có căn cứ, đúng pháp luật.

Tại cấp phúc thẩm, không phát sinh tình tiết mới, do đó không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của ông Đậu Văn N và cần giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

[4] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Đậu Văn N phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên, căn cứ khoản 1 Điều 241, khoản 1 Điều 349 Luật tố tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Bác kháng cáo của người khởi kiện là ông Đậu Văn N; Giữ nguyên quyết

định của Bản án hành chính sơ thẩm số 12/2022/HC-ST ngày 12 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh HT.

2. Về án phí phúc thẩm: Ông Đậu Văn N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hành chính phúc thẩm, được đối trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000280 ngày 28/9/2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh HT.

Xác nhận ông Đậu Văn N đã thi hành xong khoản tiền nộp án phí hành chính phúc thẩm.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh HT;
- VKSND tỉnh HT;
- Cục THADS tỉnh HT;
- Các đương sự (theo đ/c);
- Lưu HS, HCTP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phùng Hải Hiệp

CÁC THẨM PHÁN

Phạm Văn Tuyển **Đặng Thị Thơm**

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phùng Hải Hiệp